ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
Trường ĐH Khoa học Tự nhiên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN CAO HỌC

Ngành: **VLKT- CHUYÊN NGÀNH GIẢNG DẠY VẬT LÝ THỰC NGHIỆM K32**

Mã môn học: **MVL202** Khóa: 32
Tên môn học: **GIẢNG DẠY VẬT LÝ THEO HƯỚNG TIẾP CẬN STEM** Số tiết: **45**
Ngày thi: 30/9/2023 Vấn đáp Phòng thi:
Giảng viên phụ trách môn học: **TS. TRỊNH THỊ LÝ**
Cán bộ coi thi:

(*) Điểm giữa kỳ và cuối kỳ chấm trên thang điểm 10

STT	Mã số học viên	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên dự thi	Kết quả thi		
								Giữa kỳ (30%)	Cuối kỳ (70%)	Điểm TB
1	21C39002	Lê Thành	Đức	11/04/1999	Khánh Hoà		O	O	O	O
2	22C39036	Nguyễn Triệu	Vĩ	16/05/1999	Tây Ninh			9,7	9,7	9,7
~~3~~	~~22C38006~~	~~Trần Hải~~	~~Hưng~~	~~11/12/1999~~	~~Đồng Nai~~			9,6	9,6	9,6
4	22C39002	Lê Thị Thu	Hường	27/10/1992	Bình Dương			9,5	9,5	9,5
5	22C39004	Võ Thị Minh	Lý	27/03/1997	Tiền Giang			9,7	9,7	9,7
6	22C39005	Nguyễn Thị Hoài	Phương	10/08/1998	Tp.HCM			9,5	9,5	9,5
7	22C39007	Lê Vũ Khánh	An	20/01/1999	Đà Lạt			9,7	9,7	9,7
8	22C39010	Lưu Công	Chánh	03/11/1999	Tiền Giang			9,5	9,5	9,5
9	22C39013	Ông Long	Hải	19/06/1980	Lâm Đồng			9,7	9,7	9,7
10	22C39014	Nguyễn Ngọc	Hân	29/08/1999	Tp.HCM			9,5	9,5	9,5
11	22C39019	Nguyễn Thị Bích	Liên	04/12/1998	Tp.HCM			9,7	9,7	9,7
12	22C39020	Lê Thị Trà	My	07/11/1999	DakLak			9,5	9,5	9,5
13	22C39021	Nguyễn Thị Hoài	Nam	05/05/2000	Bình Thuận			9,7	9,7	9,7
14	22C39023	Mai Thành	Nguyên	17/04/1998	Tây Ninh			9,7	9,7	9,7
15	22C39025	Lương Phan Hồng	Phúc	10/08/1997	Tp.HCM			9,5	9,5	9,5
16	22C39026	Hồ Anh	Phúc	23/06/1999	Tây Ninh			9,5	9,5	9,5
17	22C39027	Huỳnh Vũ Tú	Quyên	24/01/1999	TP.HCM			9,7	9,7	9,7
18	22C39029	Châu Ngọc	Sơn	27/07/1997	Bình Thuận			9,5	9,5	9,5
19	22C39033	Nguyễn Minh	Triết	06/07/1999	Gia Lai			9,5	9,5	9,5
20	22C39035	Thái Hiếu	Trung	16/02/1999	Hà Tĩnh			9,5	9,5	9,5
21	22C39037	Trương Minh Hoàng H	Yến	27/01/1987	Tp.HCM			9,5	9,5	9,5

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 09 năm 2023

Cán bộ chấm thi

Trịnh Thị Lý